

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CHUYÊN PHÁT THÔNG MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CHUYÊN PHÁT THÔNG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMART DELIVERY SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SMART DELIVERY.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107599724

**3. Ngày thành lập:** 14/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6/2/97 đường Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988400985

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5021        |
| 2.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5022        |
| 3.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5210        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5221        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5222        |
| 6.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5224        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; | 5229        |
| 8.  | Bưu chính<br>(chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5310        |
| 9.  | Chuyên phát<br>(chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5320(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711 |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại<br>Kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ                   | 4719 |
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721 |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722 |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 15. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4724 |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 17. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 18. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 20. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 21. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 22. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 23. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(loại nhà nước cho phép)                                                  | 4762 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 25. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(loại nhà nước cho phép)                                                                                    | 4764 |
| 26. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 27. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 28. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                       | 5820 |
| 29. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201 |
| 30. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                       | 6209 |
| 32. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                      | 6311 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính;<br>- Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức;<br>- Bán lẻ dầu hỏa, bình ga, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; | 4773 |
| 34. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4920 |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4931 |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4932 |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng nhà nước cấm)<br>Ủy thác mua bán hàng hóa<br>Nhượng quyền thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 39. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7490 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                              | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ VELA | Số 6/2/97, đường Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 85,714    | 0107579615                                                                                  |         |
|     |                                          |                                                                                             | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 85,714    |                                                                                             |         |
|     |                                          |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN MẠNH HÙNG                         | Số 8/547 Trần Hưng đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 7,143     | 036086002013                                                                                |         |
|     |                                          |                                                                                             | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 7,143     |                                                                                             |         |
|     |                                          |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LƯU TRỌNG HIẾU                           | Số 2 hẻm 199/10/24 phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 7,143     | 001085008499                                                                                |         |
|     |                                          |                                                                                             | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 7,143     |                                                                                             |         |
|     |                                          |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036086002013

Ngày cấp: 20/04/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8/547 Trần Hưng đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 2309, tòa T2, khu đô thị Times City, số 458 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội